TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2019/HNGĐ-PT
Ngày 19-3-2019.
Về việc: Chia tài sản chung sau ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Cảnh

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Xuân Chiến

Bà Phạm Thị Thông

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tú – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hoà – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 02/2019/TLPT-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2019 về *"Chia tài sản chung sau ly hôn"*.

Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 24/2018/HNGĐ-ST, ngày 20 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 04/2019/QĐ-PT ngày 25-02-2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T – Có mặt.

Địa chỉ: Tổ 4, phường N, thị xã G, tỉnh Đắk Nông

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn chị Nguyễn Thị T: Bà Bùi Thị D – Văn bản uỷ quyền ngày 19-6-2018 – Có mặt.

Địa chỉ: Tổ 6, phường N1, thị xã G, tỉnh Đắk Nông

Bị đơn: Anh Nguyễn Đ – Có mặt.

Địa chỉ: Tổ 1, phường N, thị xã G, tỉnh Đắk Nông

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Phạm Thị Đ – Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Tổ 1, phường N, thị xã G, tỉnh Đắk Nông

Người kháng cáo: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T (Chị T) trình bày: Chị và anh Nguyễn Đ (Anh Đ) kết hôn vào ngày 06-02-2002, có đăng ký tại Uỷ ban nhân dân thị trấn G, huyện Đ, tỉnh Đắk Lắk, nay là thị xã G, tỉnh Đắk Nông. Năm 2016 chị và anh Đ ly hôn theo Quyết

định công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự số 42/2016/QĐST-HNGĐ ngày 26-7-2016 của Toà án nhân dân thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông. Tuy nhiên, khi giải quyết ly hôn thì chị và anh Đ không yêu cầu Toà án giải quyết về tài sản chung.

Hiện nay do không thoả thuận được về việc chia tài sản chung nên chị T đã khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết, cụ thể các tài sản chung bao gồm: 01 tủ lạnh Hitachi, 01 máy giặt Hanzo, 01 xe máy Jupiter, 01 cặp dê giống, 01 sạp bán hàng (Ki ốt) ở chợ G, tiền tu sửa nhà khi ở chung với mẹ chồng bà Phạm Thị Đ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị T và anh Đ đã thoả thuận được nội dung sau: Anh Đ đồng ý giao cho chị T được quyền sở hữu 01 tủ lạnh Hitachi trị giá 6.000.000đ, 01 máy giặt Hanzo trị giá 4.000.000đ, 01 xe máy Jupiter trị giá 15.000.000đ, 01 cặp dê giống trị giá 10.000.000đ.

Thống nhất tiền tu sửa nhà là 30.000.000đ và sạp bán hàng ở chợ G trị giá 135.000.000đ.

Bị đơn anh Nguyễn Đ trình bày: Anh đồng ý giao cho chị T được quyền sở hữu 01 tủ lạnh Hitachi trị giá 6.000.000đ, 01 máy giặt Hanzo trị giá 4.000.000đ, 01 xe máy Jupiter trị giá 15.000.000đ, 01 cặp dê giống trị giá 10.000.000đ.

Đối với 01 Ki ốt ở chợ G anh không đồng ý chia cho chị T do đây không phải là tài sản chung của anh Đ, chị T mà là tài sản riêng của mẹ anh Đ là bà Phạm Thị Đ.

Đối với tiền tu sửa nhà 30.000.000đ: Trước đây chị T đã khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết nhưng đã rút yêu cầu khởi kiện, nay khởi kiện lại thì anh Đ không chấp nhận chia cho chị T (Biên bản hoà giải ngày 20-9-2018 – BL 80).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Đ trình bày: Đối với Ki ốt ở chợ G là tài sản riêng của bà Phạm Thị Đ, do bà thuê của Ban quản lý chợ G, bà chỉ cho anh Đ và chị T mượn để kinh doanh nuôi con nhỏ. Nay chị T đã ly hôn với anh Đ thì bà lấy lại tài sản trên để giao cho các con của anh Đ để kinh doanh.

Tại bản án số: 24/2018/HNGĐ-ST ngày 20-11-2018 của Toà án nhân dân thị xã Gia Nghĩa đã: Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; Điều 228; Điều 238, Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; áp dụng Điều 29; Điều 33; Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 213 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T: Buộc anh Nguyễn Đ phải trả cho chị T 15.000.000đ tiền tu sửa nhà.

Ghi nhận sự thoả thuận của các đương sự: Giao cho chị T được quyền sở hữu 01 tủ lạnh Hitachi, 01 máy giặt Hanzo, 01 xe máy Jupiter, 01 cặp dê giống.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Thu đối với yêu cầu chia tài sản là Ki ốt tại chợ G.

Ngoài ra, Toà án cấp sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 06-12-2018 nguyên đơn chị Nguyễn Thị T kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu Toà án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu chia tài sản là 01 Ki ốt tại chợ G; ghi nhận sự thoả thuận của chị T và anh Đ đối với các tài sản khác để đảm bảo thi hành được bản án và sửa về án phí sơ thẩm vì không chia Ki ốt tại chợ G cho chị T nhưng buộc phải chịu án phí là vi phạm khoản 2 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Pháp lệnh án phí, lệ phí Toà án

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn đồng thời là người kháng cáo chị Nguyễn Thị T xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc phân chia tài sản là 01 tủ lạnh Hitachi, 01 máy giặt Hanzo, 01 xe máy Jupiter, 01 cặp dê giống. Bị đơn anh Nguyễn Đ đồng ý với việc xin rút một phần yêu cầu khởi kiện nêu trên của chị Nguyễn Thị T. Về nội dung kháng cáo khác, các đương sự đều trình bày nội dung như tại giai đoạn sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

- Về nội dung: Sau khi phân tích, đánh giá các chứng cứ có trong hồ sơ, kết quả hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217; điểm b khoản 1 Điều 299; khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Chấp nhận việc xin rút một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T, huỷ bản án sơ thẩm về việc ghi nhận sự thoả thuận của các đương sự đối với các tài sản là 01 tủ lạnh Hitachi, 01 máy giặt Hanzo, 01 xe máy Jupiter, 01 cặp dê giống này và đình chỉ giải quyết vụ án đối với yêu cầu phân chia các tài sản này; bác kháng cáo của chị Nguyễn Thị T đối với yêu cầu phân chia tài sản là Ki ốt tại chợ G và án phí sơ thẩm, giữ nguyên bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 24/2018/HNGĐ-ST ngày 20-11-2018 của Tòa án nhân dân thị xã G về việc phân chia tài sản là Ki ốt tại chợ G và án phí sơ thẩm

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét yêu cầu kháng cáo của đương sự, căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu lưu trong hồ sơ, kết quả xét hỏi, tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Xét kháng cáo yêu cầu chia tài sản là 01 Ki ốt ở chợ G của chị Nguyễn Thị T: Hội đồng xét xử xét thấy: Năm 2003 bà Phạm Thị Đ trúng đấu thầu thuê 01 Ki ốt tại chợ G với giá trúng thầu là 18.000.000đ thể hiện tại Biên bản trúng thầu ngày 28-5-2003. Sau đó, Ban quản lý chợ G đã ký hợp đồng cho thuê Ki ốt đối với bà Phạm Thị Đ theo hợp đồng số 99/HĐTDT ngày 24-6-2003. Vì vậy, đây là tài sản riêng của bà Đ, không phải là tài sản chung của anh Đ, chị T.Việc anh Đ, chị T trực tiếp kinh doanh ở Ki ốt là trong quá trình chung sống với bà Phạm Thị Đ, lợi nhận thu được nhằm mục đích chung cho cả gia đình. Vì vậy, không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo này của chị T.

Trong vụ án, chị Thu không yêu cầu thanh toán chi phí hợp lý về việc sửa chữa hoặc làm tăng giá trị tài sản đối với Ki ốt ở chợ G nên Toà án cấp sơ thẩm không xem xét giải quyết là đúng pháp luật.

[2]. Đối với sự ghi nhận sự thoả thuận của các đương sự về các tài sản là 01 tủ lạnh Hitachi, 01 máy giặt Hanzo, 01 xe máy Jupiter, 01 cặp dê giống: Hội đồng xét xử xét thấy: Tại phiên toà phúc thẩm, chị Nguyễn Thị T rút yêu cầu

khởi kiện về việc phân chia đối với các tài sản này, bị đơn anh Nguyễn Đ đồng ý với việc rút yêu cầu khởi kiện này của chị T. Vì vậy, căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 217; điểm b khoản 1 Điều 299 của Bộ luật Tố tụng dân sự, huỷ một phần bản án sơ thẩm về việc ghi nhận sự thoả thuận của các đương sự đối với các tài sản là 01 tủ lạnh Hitachi, 01 máy giặt Hanzo, 01 xe máy Jupiter, 01 cặp dê giống này và đình chỉ giải quyết vụ án đối với yêu cầu phân chia các tài sản này.

[3]. Đối với kháng cáo của chị T về phần án phí sơ thẩm: Hội đồng xét xử xét thấy, Toà án cấp sơ thẩm không chia cho chị T được hưởng tài sản là Ki ốt tại chợ G nhưng lại buộc chi T phải chịu án phí dân sự có giá ngạch là không đúng theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án (Viết tắt là Nghị quyết số 326). Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu kháng cáo này của chị Nguyễn Thị T. Trường hợp này cần buộc chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 24 Nghị quyết số 326 là 300.000đ và án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền 15.000.000đ chị T được chia là 750.000đ (Biên bản hoà giải ngày 20- 9- 2018 – BL 80, anh Đ không đồng ý chia). Tổng cộng chị T phải chịu 1.050.000đ án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 3.000.000đ đã nộp theo biên lai số 0001778 ngày 04-6-2018 của Chi cục Thi hành án thị xã G. Hoàn trả cho chị Nguyễn Thị T số tiền 1.950.000đ *(Một triệu chín trăm năm mươi ngàn đồng)*.

[4]. Án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự: Do yêu cầu kháng cáo được chấp nhận một phần nên chị T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho chị Nguyễn Thị T 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 0000096 ngày 24-12-2018 tại Chi cục Thi hành án thị xã G, tỉnh Đắk Nông.

[5]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 217; Điểm b khoản 1 Điều 299; khoản 2, khoản 4 Điều 308; Điều 309; Điều 311 của Bộ luật Tố tụng dân sự,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Chấp nhận việc xin rút một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T về việc phân chia các tài sản là 01 tủ lạnh Hitachi, 01 máy giặt Hanzo, 01 xe máy Jupiter, 01 cặp dê giống. Huỷ một phần bản án sơ thẩm số: 24/2018/HNGĐ-ST ngày 20 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông về việc ghi nhận sự thoả thuận của các đương sự đối với các tài sản là 01 tủ lạnh Hitachi, 01 máy giặt Hanzo, 01 xe máy Jupiter, 01 cặp dê giống và đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu phân chia các tài sản này.

2. Không chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị T về việc phân chia tài sản là Ki ốt tại chợ G; chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Nguyễn Thị T về phần án phí sơ thẩm. Sửa bản án sơ thẩm số: 24/2018/HNGĐ-ST ngày 20 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông về phần án phí.

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm b khoản 1 Điều 38; Điều 147; Điều 148 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; áp dụng Điều 29; Điều 33; Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 213 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T đối với yêu cầu chia tài sản là Ki ốt tại chợ G.

3. Án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 1.050.000đ án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 3.000.000đ đã nộp theo biên lai số 0001778 ngày 04-6-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã G. Hoàn trả cho chị Nguyễn Thị T số tiền 1.950.000đ *(Một triệu chín trăm năm mươi ngàn đồng)*.

Anh Nguyễn Đ phải chịu 750.000đ *(Bảy trăm năm mươi ngàn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm

4. Án phí phúc thẩm: Chị Nguyễn Thị T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho chị Nguyễn Thị T 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 0000096 ngày 24-12-2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã G, tỉnh Đắk Nông.

5. Đối với quyết định của bản án sơ thẩm về việc phân chia số tiền tu sửa nhà 30.000.000đ *(Ba mươi triệu đồng)* không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *TAND Tối cao;*
- *TAND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;*
- *VKSND tỉnh Đăk Nông;*
- *TAND thị xã Gia Nghĩa;*
- *Chi cục THADS thị xã G;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu: Hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Phạm Văn Cảnh